



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07QM (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	AN	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07149001	NGUYỄN THỊ NGỌC	AN	01/12/89		An	6	Sau
2	07149010	HUỶNH TẤN	BÌNH	02/04/89		282	5	Nam
3	07149012	LÊ HẢI	CHÂU	26/02/89		✓	✓	✓
4	07149014	BÙI VĂN	CHUYỀN	16/05/89		Ok	5	Nam
5	07149015	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	10/02/89		Minh	5	Nam
6	07149016	LÊ CHÍ	CƯỜNG	14/11/89		Go	5	Nam
7	07149020	HÀ THỊ MỸ	DUNG	14/07/89		chung	5	Nam
8	07149021	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	10/09/89		Dung	6	Sau
9	07149024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUY	01/11/87		NH	6	Sau
10	07149027	PHÙNG VĂN	ĐẠI	18/10/88		Đại	5	Nam
11	07149029	PHẠM LÂM	ĐỒNG	26/05/89		Đồng	6	Sau
12	07149034	NGUYỄN THÀNH	GIANG	09/02/88		Giàng	5	Nam
13	07149037	NGÔ VĂN	HẢI	10/07/89		Hải	5	Nam
14	07149044	NGUYỄN VĂN	HIẾN	20/10/89		U	5	Nam
15	07149046	ĐẶNG THỊ	HÒA	15/05/88		ml	5	Nam
16	07149047	HOÀNG THỊ	HÒA	27/06/89		Th5	5	Nam
17	07149051	ĐỖ THỊ	HUYỀN	26/10/89		Chuyên	5	Nam
18	07149055	PHẠM HOÀNG	KHANH	06/06/89		Phy	5	Nam
19	07149057	VÕ ĐĂNG	KHOA	15/09/89		Khao	4	Bỏ
20	07149063	NGUYỄN HOÀNG	LIÊN	16/01/89		Li	5	Nam
21	07149064	NGUYỄN DUY	LINH	15/08/89		Long	6	Sau
22	07149068	TRẦN THỊ MINH	LÝ	06/11/88		✓	✓	✓
23	07149073	NGUYỄN HẢI	NAM	29/09/88		Ok	5	Nam
24	07149076	NGUYỄN THẾ	NAM	08/05/89		Th	5	Nam

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 23 tháng 06 năm 2008.

Cán bộ coi thi 1

Đương Mỹ Thảo

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1

Đương Mỹ Thảo

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Ca Mỹ



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07HH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV219

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07139150	HỒ XUÂN NHẬT	04/02/89			✓	
2	07139153	NGUYỄN THỊ NHUNG	13/08/87		nhung	6	Sau
3	07139155	PHẠM THỊ XUÂN NƯỞNG	06/10/89		nhung	5	Năm
4	07139158	BÙI DỨC PHÚ	13/09/89		ph	6	Sau
5	07139160	NGÔ THANH PHÚC	13/07/88		Thylin	5	Năm
6	07139169	LÊ VĂN CHÁNH	08/02/88		le	7	Bảy
7	07139176	TRẦN THANH SANG	25/09/89		Sang	5	Năm
8	07139186	LÊ THỊ THANH TÂM	20/04/89		le	7	Bảy
9	07139187	NGUYỄN DƯƠNG THANH TÂM	18/09/89		lan	7	Bảy
10	07139195	CHÂU THỊ PHƯƠNG THẢO	06/03/89		Thanh	7	Bảy
11	07139194	VÕ NGUYỄN THẢO	22/08/89			✓	
12	07139209	NGUYỄN THỊ KIM THOÁ	01/02/89		nhoe	5	Năm
13	07139212	LÊ MINH THUẬN	19/12/88		le	5	Năm
14	07139217	TỔNG THỊ THU THỦY	09/08/89		thuy	6	Sau
15	07139216	TRẦN THỊ THỦY	02/12/89		th	6	Sau
16	07139219	VÕ VĂN THỨA	03/01/89		th	6	Sau
17	07139220	NGUYỄN TOÀN THỨC	20/12/89		ti	4	Bốn
18	07139223	NGUYỄN CÔNG TIẾN	06/10/89		ti	6	Sau
19	07139232	NGUYỄN THỊ THANH TRÁ	08/02/89		ti	6	Sau
20	07139233	HỒ NGỌC MỸ TRANG	21/12/88		my	6	Sau
21	07139234	LÊ THỊ MỸ TRANG	25/07/89		le	5	Năm
22	07139274	NGUYỄN THỊ VIỆT	27/08/89		vi	7	Bảy
23	07139286	HOÀNG HẢI YẾN	04/02/88		hu	7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 21 Số bài: 21 Số tờ: 21

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Binh

Cán bộ coi thi 2 Cal

Nguyễn Thị Bình

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Xác nhận của bộ môn TAKC

Cán bộ chấm thi 1 ph

Cán bộ chấm thi 2 ph

Quile

Nguyễn T. Cúc Huyền

ThS. Cà Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07HH (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi PV217

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07139003	NGUYỄN BÍCH ANH	12/06/89	✓			
2	07139007	TRẦN TUẤN ANH	04/03/89		<i>Trần Tuấn Anh</i>	6	Sáu
3	07139008	LÊ ĐỨC AN	15/05/89		<i>Lê Đức An</i>	4	Bốn
4	07139012	NGUYỄN HOÀNG BẢO	26/07/89		<i>Bảo</i>	6	Sáu
5	07139014	PHÔNG THIỆU BĂNG	15/02/89		<i>Phông</i>	7	Bảy
6	07139020	NGUYỄN VĂN BÌNH	08/04/89	✓			
7	07139025	LÊ THỊ NGỌC CHÂU	04/07/88		<i>Châu</i>	6	Sáu
8	07139027	NGUYỄN HỮU CHUNG	15/08/88		<i>Chung</i>	5	Năm
9	07139040	PHẠM ÁNH DUYỀN	04/01/88		<i>Phạm Ánh Duyên</i>	6	Sáu
10	07139042	NGUYỄN VĂN DƯ	24/12/89		<i>Dư</i>	5	Năm
11	07139050	TRẦN THỊ THỦY ĐON	06/10/89		<i>Thủy</i>	6	Sáu
12	07139052	NGUYỄN CẢNH ĐƯƠNG	13/08/89	✓			
13	07139054	PHẠM NHẬT MINH GIANG	30/04/89		<i>Minh</i>	5	Năm
14	07139057	VÕ ĐÀO THỦY HÀ	28/02/89		<i>Hà</i>	7	Bảy
15	07139060	ĐINH VĂN HẢI	02/05/88		<i>Hải</i>	4	Bốn
16	07139059	ĐOÀN THANH HẢI	06/02/89		<i>Hải</i>	8	Tám
17	07139063	NGUYỄN TOÀN HẠNH	19/02/89		<i>Hạnh</i>	6	Sáu
18	07139070	NGUYỄN THANH HIẾU	29/07/89		<i>Hiếu</i>	6	Sáu
19	07139073	NGUYỄN THANH HOA	19/05/89		<i>Hoa</i>	6	Sáu
20	07139074	HỒ THỊ KIM HÒA	17/08/89		<i>Hồ Kim Hòa</i>	7	Bảy
21	07139090	VÕ HOÀNG HƯNG	08/04/89		<i>Hưng</i>	8	Tám
22	07139094	PHẠM QUANG KHÁI	23/01/89		<i>Khải</i>	8	Tám
23	07139096	NGUYỄN ĐĂNG SONG KHANG	17/01/89		<i>Song</i>	7	Bảy
24	07139095	NGUYỄN MINH KHANG	11/05/89		<i>Minh Khang</i>	6	Sáu
25	07139105	ĐỖ CAO KỶ	20/12/89	✓			
26	07139108	ĐẶNG NGỌC LÃNH	05/10/89		<i>Lãnh</i>	6	Sáu
27	07139112	NGUYỄN PHƯỚC LINH	03/06/89		<i>Phước Linh</i>	7	Bảy
28	07139115	NGÔ YẾN LOAN	11/01/89		<i>Yến</i>	6	Sáu
29	07139116	ĐỖ ĐẠI HOÀNG LONG	22/01/89	✓			
30	07139121	PHẠM HỒNG LUÂN	01/07/89		<i>Hồng Luân</i>	4	Bốn
31	07139123	LÊ THẮNG LUYỆN	13/10/89		<i>Thắng Luyện</i>	5	Năm
32	07139126	HỒ THỊ GIANG LY	25/01/89		<i>Ly</i>	6	Sáu
33	07139127	PHÙNG THỊ LÝ	20/09/88		<i>Phùng Thị Lý</i>	5	Năm
34	07139133	NGUYỄN HỮU MỪNG	16/02/88		<i>Mừng</i>	5	Năm
35	07139142	HUYỀN THỊ KIM NGỌC	13/07/88		<i>Huyền Thị Kim Ngọc</i>	6	Sáu

Đội coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Số tờ: 30

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1: Thầy
Đỗ Văn

Cán bộ coi thi 2: Thầy
Vương T. Thủy

Xác nhận của bộ môn: TACC

Cán bộ chấm thi 1: Thầy

Cán bộ chấm thi 2: _____

Thầy

Ngô Đăng T. Cúc Huyền

ThS. Trần Mỹ Nga



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07GB (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07134001	NGUYỄN THỊ TRƯỜNG	AN	21/09/89		6	Sáu
2	07134002	VÕ HOÀI	ÂN	23/10/89		5	Năm
3	07134027	LÊ PHẠM HIỆP	CÔNG	28/08/89		7	Bảy
4	07134003	NGUYỄN XUÂN	DANH	17/02/88		5	Năm
5	07134005	ÔN THỊ MAI	GIÁU	31/12/88		6	Sáu
6	07134006	CHÂU NGUYỄN NGÂN	HÀ	28/03/88		7	Bảy
7	07134007	PHẠM THỊ	HĂNG	30/04/89		5	Năm
8	07134008	NGUYỄN THỊ BÉ	HIỀN	14/04/89		6	Sáu
9	07134009	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	28/01/88		5	Năm
10	07134029	DƯƠNG FƯỚC	HÙNG	07/08/88		5	Năm
11	07134010	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	25/07/88		6	Sáu
12	07134011	TRẦN DUY	KHA	15/10/89		6	Sáu
13	07134012	TRẦN LÊ NHẬT	KHANH	19/03/89		6	Sáu
14	07134013	VŨ THỊ	LIÊN	19/06/89		4	Bốn
15	07134030	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	10/05/88		6	Sáu
16	07134031	TRẦN VĂN	LONG	15/04/87	✓		
17	07134014	TRẦN XUÂN	LỘC	08/01/89		5	Năm
18	07134016	TRẦN KHẮC	NGUYỄN	25/04/88		5	Năm
19	07134017	PHẠM THỊ PHƯƠNG	NHI	02/11/89		5	Năm
20	07134018	NGUYỄN ĐÌNH HUỖNH	NHƯ	20/10/89		6	Sáu
21	07134019	NGUYỄN THỊ NGỌC	NỮ	10/01/88		6	Sáu
22	07134021	PHẠM VĂN	TẠO	24/06/89		4	Bốn
23	07134035	CAO MINH	TÂM	04/09/89	✓		
24	07134036	LÊ LAM	THANH	15/03/89		6	Sáu
25	07134037	NGUYỄN ẮN	THIÊN	27/09/89	✓		
26	07134023	HUỶNH KIM	TIẾN	02/03/89		5	Năm
27	07134039	HUỶNH THỊ	TRANG	04/10/88		6	Sáu
28	07134024	LÊ THÀNH	TƯỚNG	04/05/89	✓		
29	07134025	MAI HUỶNH TỔ	UYÊN	13/02/89		5	Năm
30	07134026	NGUYỄN MINH	ỨNG	20/10/87		4	Bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Số tờ: 26

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1
BÙI TRANG PHƯƠNG NAM

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TAKE

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Cô Mỹ Nga

Ng. Đăng T. Cúc Huyền



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07GI (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD305

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	ANH	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07162029	NGUYỄN QUỲNH	ANH	13/10/89			6	Sáu
2	07162015	PHAN DANH	ĐỨC	01/07/88			5	Năm
3	07162016	PHAN THỊ ÁNH	HỒNG	02/04/89			6	Sáu
4	07162017	VÕ	HUY	12/10/89			5	Năm
5	07162001	MAI THỊ	HUYỀN	19/06/89			4	Bốn
6	07162002	LÊ QUỐC	KHAI	16/02/89			5	Năm
7	07162003	HUYỀN TẤN	KHOA	13/09/88				
8	07162018	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	30/08/88			5	Năm
9	07162004	NGUYỄN DUY	LIÊM	10/10/89			8	Tám
10	07162005	ĐẶNG THỊ NGỌC	LÝ	02/01/88			4	Bốn
11	07162007	PHẠM THỊ THU	NGÂN	12/11/89			7	Bảy
12	07162008	NGÔ ĐÌNH	NHÂN	19/11/88			5	Năm
13	07162020	LÊ PHẠM TRUNG	NHON	01/01/89				
14	07162009	MAI THẾ	TÂN	19/07/86			4	Bốn
15	07162023	ĐOÀN MINH	THÀNH	22/06/89			8	Tám
16	07162011	HUYỀN CHÂU TIẾN	THỊNH	28/07/88				
17	07162024	VÕ THỊ PHƯƠNG	THÚY	10/06/89			5	Năm
18	07162025	TRẦN THỊ	THƯƠNG	22/10/89			6	Sáu
19	07162028	LÊ HOÀNG	TÚ	27/09/88			6	Sáu
20	07162012	HỒ SỸ ANH	TUẤN	04/09/85			7	Bảy
21	07162013	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	/06/89			7	Bảy
22	07162014	NGUYỄN THANH	TUẤN	29/07/89			7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 19 Số bài: 19 Số tờ: 19

Ngày 29 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1:
Cán bộ coi thi 2:

Xác nhận của bộ môn: T.A.K.C.
Cán bộ chấm thi 1:
Cán bộ chấm thi 2: _____

ThS. Tạ Mỹ Nga

Nguyễn Đăng T. Cúc Huyền



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh Văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07148002	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	01/03/89		5	Năm
2	07148003	HUYỀN THOAI	ANH	30/09/88		5	Năm
3	07148004	LÊ PHẠM THỤC	ANH	10/09/89		6	Sâu
4	07148007	ĐOÀN THỊ MỸ	ÁNH	04/01/89		6	Sâu
5	07148010	NGUYỄN THANH	BÌNH	30/09/87			
6	07148016	NGUYỄN LINH	CHI	01/02/88		4	Bớt
7	07148017	NGUYỄN THỊ	CHUYÊN	04/04/89		6	Sâu
8	07148021	LÊ THỊ	DIỆU	06/01/89		8	Tam
9	07148024	LÊ TRẦN MINH	DUY	05/06/89		4	Bớt
10	07148023	PHẠM LÊ	DUY	20/02/89		5	Năm
11	07148026	NGUYỄN THỊ THÚY	DƯƠNG	10/03/88		5	Năm
12	07148027	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	05/09/89		4	Bớt
13	07148029	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	12/01/89		5	Năm
14	07148031	HỒ HẢI	ĐĂNG	19/09/89		6	Sâu
15	07148033	NGUYỄN PHẠM HÀ	GIANG	13/05/88		5	Năm
16	07148035	VÕ TRƯỜNG	GIANG	15/10/89			
17	07148036	NGUYỄN THỊ HUỲNH	GIAO	12/06/88		4	Bớt
18	07148041	PHẠM THỊ	HẠNH	05/05/89		4	Bớt
19	07148047	NGUYỄN ĐỨC	HIỆU	14/05/89		7	Bảy
20	07148049	LÊ ĐĂNG	HOÀNG	08/08/87		5	Năm
21	07148050	LÊ NGỌC	HOÀNG	26/06/88		5	Năm
22	07148051	VŨ THỊ	HỘI	01/09/87			
23	07148053	NGUYỄN THỊ	HUỆ	06/06/89		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 20 Số bài: 20 Số tổ: 20

Cán bộ coi thi 1

Lê Nguyễn Mai Anh

Cán bộ coi thi 2

Lê V.T. Thủy Vy

Xác nhận của bộ môn TACC

ThS. Tạ Mỹ Nga

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Đăng T. Cúc Huyền



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07148056	PHAN VĂN HUY	25/10/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
2	07148058	VÕ THỊ THU HUYỀN	20/04/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
3	07148061	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	17/04/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
4	07148062	ĐỖ DUY KHANH	29/10/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
5	07148063	ĐÀO DUY KHÁNH	11/07/89				
6	07148065	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10/01/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
7	07148069	LÊ THỊ THU LIỄU	19/07/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
8	07148072	DOÃN THỦY LINH	28/08/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
9	07148070	LÊ THỊ MAI LINH	14/12/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
10	07148078	THÁI THỊ HÀ MAI	10/10/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
11	07148082	PHẠM PHÚ MINH	02/09/84		<i>[Signature]</i>	5	năm
12	07148083	DƯƠNG THỊ TIỂU MY	26/01/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
13	07148084	NGUYỄN THANH MỸ	12/01/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
14	07148085	NGUYỄN THỊ LỆ MỸ	13/04/89		<i>[Signature]</i>	8	tám
15	07148091	NGÔ THỊ HỒNG NGỌC	12/03/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
16	07148093	LÊ THỊ MINH NGUYỆT	23/07/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
17	07148095	ĐẶNG THỊ NHẬN	01/01/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
18	07148096	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHI	10/11/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
19	07148097	PHẠM THỦY NHI	21/01/88		<i>[Signature]</i>	6	sáu
20	07148099	TRẦN THỊ NINH	06/08/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
21	07148193	MAI LƯU NỮ THỊ KIM OANH	19/05/87		<i>[Signature]</i>	4	bốn
22	07148106	TRẦN MAI PHƯƠNG	04/08/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
23	07148116	LÊ THÀNH QUÝ	05/11/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
24	07148118	HỒNG MỸ QUYÊN	14/01/89				
25	07148117	NGUYỄN HUỲNH HẠNH QUYÊN	04/12/89				
26	07148121	NGUYỄN THỊ XUÂN SA	08/03/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
27	07148123	HUỲNH BÁ SANH	16/01/89				
28	07148127	LÊ ĐÌNH THANH TÂM	05/05/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
29	07148125	NGUYỄN THỊ NGỌC TÂM	17/08/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
30	07148128	NGUYỄN VIỆT TÂN	12/08/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
31	07148194	BÙI THỊ NGỌC THANH	16/11/88		<i>[Signature]</i>	6	sáu
32	07148134	LÊ THỊ THANH THẢO	08/05/88		<i>[Signature]</i>	6	sáu
33	07148137	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	04/07/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
34	07148138	NGUYỄN THỊ MAI THỊ	05/11/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
35	07148141	PHẠM THỊ THƠ	15/11/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
36	07148143	MAI THỊ MỘNG THU	22/04/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07148146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THỦY	06/06/89		7	bảy
38	07148145	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	24/12/89		7	bảy
39	07148149	NGUYỄN THANH	TIẾN	07/10/89		6	sáu
40	07148150	LÊ BÁ	TIẾN	22/12/89		5	năm
41	07148151	NGUYỄN VĂN	TOÀN	05/01/89		5	năm
42	07148153	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	13/10/89		5	năm
43	07148155	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	11/12/89		5	năm
44	07148165	NGUYỄN THANH TUYẾT	TRINH	23/07/89		7	bảy
45	07148166	TẠ NGỌC THỦY	TRÚC	28/01/89		7	bảy
46	07148168	NGUYỄN VŨ MINH	TRUNG	18/04/89		7	bảy
47	07148172	PHẠM MINH	TÙNG	26/12/89		7	bảy
48	07148175	NGUYỄN NHƯ THỊ CẨM	TUYỀN	20/04/88		8	tám
49	07148178	LÊ THỊ	VĂN	20/06/88		5	năm
50	07148184	TRẦN NGỌC	VINH	30/06/86		5	năm
51	07148185	TRƯƠNG THỊ KIỀU	VY	05/10/88		3	ba
52	07148186	DƯƠNG THUY MỸ	Ý	12/04/89		6	sáu
53	07148187	CHÂU BẢO	YẾN	18/06/89		6	sáu
54	07148190	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	29/06/89		7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 49 Số bài: 49 Số tờ: 49

Ngày 29 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TAIC

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Lê Mỹ Nga



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Anh văn 2K (13610) - Số Tín Chỉ: 5
Nhóm Thi: Lớp DH07DC (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 29/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi HD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số ở	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07151039	BÙI VĂN AN	10/11/89		<i>Đu</i>	4	Bốn
2	07151001	LƯU MINH AN	02/08/89		<i>Al</i>	5	Năm
3	07151002	ĐẶNG THỊ LAN	29/12/89		<i>Anh</i>	6	Sáu
4	07151040	HUYỀN NGỌC ANH	13/11/88		<i>Anh</i>	6	Sáu
5	07151003	TRẦN THỊ BÍCH CHI	10/01/89		<i>Anh</i>	5	Năm
6	07151005	NGÔ THÀNH CÔNG	25/07/87		<i>Công</i>	4	Bốn
7	07151041	TRẦN THỊ NGỌC DUNG	16/09/89		<i>Ngọc</i>	6	Sáu
8	07114070	TRỊNH QUỐC DŨNG	23/03/88		<i>Đo</i>	4	Bốn
9	07151043	LÊ THANH DUY	25/09/89		<i>Thanh</i>	6	Sáu
10	07151045	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	04/02/88		<i>Thùy</i>	7	Bảy
11	07151044	TRẦN NGUYỄN DƯƠNG	02/10/88		<i>Dương</i>	6	Sáu
12	07151007	LÊ THỊ ANH ĐÀO	12/11/87		<i>Anh</i>	4	Bốn
13	07151008	LÊ HẢI ĐĂNG	16/06/89		<i>Đăng</i>	6	Sáu
14	07151047	NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG	10/10/80		✓	✓	✓
15	07151009	NGUYỄN THỊ THU HÀ	20/10/88		<i>Hà</i>	2	Hai
16	07151048	TRƯƠNG THỊ HẠNH	04/07/89		<i>Hanh</i>	4	Bốn
17	07151010	LÊ MINH HIỀN	14/04/87		<i>Minh</i>	5	Năm
18	07151049	TRẦN THỊ TRUNG HIỀN	10/04/89		<i>Trần</i>	5	Năm
19	07151051	PHẠM THÁI HOÀNG	30/06/89		<i>Thái</i>	6	Sáu
20	07151013	ĐÀO VĂN HÙNG	21/12/86		<i>Hùng</i>	5	Năm
21	07151052	NGÔ ĐỨC HUY	20/10/89		<i>Huy</i>	5	Năm
22	07151014	NGUYỄN TRỌNG HUY	29/06/90		<i>Trọng</i>	5	Năm
23	07151053	NGUYỄN ĐỨC HUYNH	15/09/89		<i>Huỳnh</i>	4	Bốn
24	07151054	ĐỖ VĂN HƯỚNG	03/01/88		<i>Hướng</i>	4	Bốn
25	07112105	HUYỀN MINH KHA	25/02/89		<i>Minh</i>	7	Bảy
26	07151055	LÊ THỊ KIỀU	20/08/88		<i>Thị</i>	4	Bốn
27	07151056	NGUYỄN PHƯỚC LINH	07/11/89		<i>Phước</i>	5	Năm
28	07151059	LÊ VĂN LỘC	27/10/85		<i>Lộc</i>	4	Bốn
29	07151015	VŨ XUÂN LỘC	19/04/88		<i>Xuân</i>	5	Năm
30	07151089	TRẦN HOÀNG LUÂN	30/07/88		<i>Luân</i>	5	Năm
31	07151016	NGUYỄN THỊ MAI	20/10/85		<i>Mai</i>	6	Sáu
32	07151017	HUYỀN THỊ KHÁNH NGÂN	28/01/88		<i>Khánh</i>	6	Sáu
33	07151060	NGÔ KIM NGÂN	07/10/89		<i>Kim</i>	5	Năm
34	07151018	NGUYỄN CÔNG NGHĨA	01/01/89		<i>Công</i>	5	Năm
35	07151061	PHẠM QUANG NGHĨA	18/11/87		<i>Quang</i>	4	Bốn
36	07151062	TRẦN QUỲ NGỌC	01/06/89		<i>Quỳ</i>	6	Sáu